

Khảo sát kiến thức và thái độ về phòng ngừa chuẩn của nhân viên y tế trong phòng chống dịch COVID-19 tại Bệnh viện Đà Nẵng

Nguyễn Thị Phúc¹, Trần Thị Khánh Ngọc¹, Phạm Nam Ngọc^{1*}
(1) Bệnh viện Đà Nẵng

Tóm tắt

Đặt vấn đề: Phòng ngừa chuẩn (PNC) là các kiểm soát nhiễm khuẩn cơ áp dụng cho mọi người bệnh bất kể chẩn đoán và thời điểm chăm sóc, góp phần quan trọng trong giảm nguy cơ lây nhiễm, tỷ lệ mắc nhiễm khuẩn bệnh viện. Do vậy, việc tìm hiểu rõ thực trạng kiến thức và thái độ về PNC của nhân viên y tế là hết sức cần thiết. **Mục tiêu:** Mô tả thực trạng kiến thức, thái độ về phòng ngừa chuẩn và tìm hiểu một số yếu tố liên quan đến kiến thức, thái độ phòng ngừa chuẩn của nhân viên y tế trong phòng chống dịch COVID-19 tại Bệnh viện Đà Nẵng. **Đối tượng, phương pháp nghiên cứu:** Áp dụng phương pháp nghiên cứu mô tả cắt ngang trên 424 nhân viên y tế Bệnh viện Đà Nẵng. **Kết quả:** Có 94,3% nhân viên y tế đạt kiến thức phòng ngừa chuẩn, vẫn còn 5,7% nhân viên y tế chưa đạt. Phần lớn nhân viên y tế có thái độ tích cực về phòng ngừa chuẩn (chiếm 90,6%), chỉ có 9,4% nhân viên y tế có thái độ không tích cực về phòng ngừa chuẩn. Có mối liên quan giữa nghề nghiệp, trình độ chuyên môn, thâm niên công tác với kiến thức đúng về phòng ngừa chuẩn. Sự khác biệt có ý nghĩa thống kê với $p < 0,05$. **Kết luận:** Tỷ lệ nhân viên y tế có kiến thức đúng và thái độ tích cực về phòng ngừa chuẩn khá cao. Bác sỹ có kiến thức đúng về phòng ngừa chuẩn cao hơn nhóm điều dưỡng, kỹ thuật viên, hộ sinh, nhân viên phục vụ, có ý nghĩa với $p < 0,05$. Các đối tượng nghiên cứu có trình độ từ đại học trở lên hay có thâm niên công tác dưới 5 năm có kiến thức đạt về phòng ngừa chuẩn cao hơn so với nhóm đối tượng còn lại và có ý nghĩa thống kê với $p < 0,05$.

Từ khóa: phòng ngừa chuẩn, nhân viên y tế.

Abstract

Survey of knowledge and attitude on standard prevention of healthcare workers in the prevention of COVID-19 at Da Nang Hospital

Nguyen Thi Phuc¹, Tran Thi Khanh Ngoc¹, Pham Nam Ngoc^{1*}
(1) Da Nang Hospital

Introduction: Standard precautions (SP) are bacteriological controls applicable to all patients regardless of diagnosis and time of care, making an important contribution to reducing the risk of infection and morbidity. institute. Therefore, it is very necessary to understand the current status of knowledge and attitude about SP of medical staff. **Objectives:** To describe the status of knowledge and attitudes towards standard prevention and to learn some factors related to standard knowledge and attitude of healthcare workers in the prevention of Covid-19 at Da Nang Hospital. **Methodology:** A cross-sectional description of 424 healthcare workers at Da Nang Hospital. **Results:** 94.3% of healthcare workers with standard prevention knowledge, and 5.7% of healthcare workers still have not. Most healthcare workers have a positive attitude about standard prevention (90.6%), and only 9.4% of healthcare workers have a negative attitude about standard prevention. There was a relationship between occupation, professional qualifications, year of seniority, and correct knowledge of standard precautions. The difference was statistically significant with $p < 0.05$. **Conclusion:** The percentage of health workers with the correct knowledge and positive attitudes about standard prevention is quite high. The group of doctors has corrected knowledge about standard prevention higher than the group of nurses, technicians, midwives, and other staff, significant with $p < 0.05$. Research subjects with a university degree or higher or working experience of fewer than 5 years have higher knowledge of standard prevention than the other group of subjects and have statistical significance with $p < 0.05$.

Keywords: standard precautions, healthcare workers.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Nhiễm khuẩn bệnh viện đã và đang là gánh nặng cho người bệnh, các cơ sở khám chữa bệnh trên toàn cầu, đặc biệt ở các nước chậm và đang phát triển do làm tăng tỷ lệ mắc bệnh, tỷ lệ tử vong, kéo dài thời gian nằm viện, tăng sử dụng kháng sinh, tăng đề kháng kháng sinh của vi khuẩn và tăng chi phí điều trị. Một trong những cách để ngăn ngừa lây nhiễm trong bệnh viện là thực hiện phòng ngừa chuẩn. Dịch bệnh COVID-19 xảy ra gần đây cùng với số ca lây nhiễm tăng là cảnh báo đối với các bệnh viện và cơ sở y tế ở Việt Nam, đồng thời nó cũng cho thấy tầm quan trọng của hoạt động phòng ngừa chuẩn trong chống dịch COVID-19. COVID-19 không phải là đại dịch đầu tiên nhân loại đối mặt nhưng là căn bệnh hiện đại duy nhất tính tới thời điểm này khiến các nước phải áp dụng biện pháp phòng ngừa chuẩn. Ngành y tế Việt Nam cũng sớm nhận thức được tầm quan trọng của hoạt động phòng ngừa chuẩn.

Bệnh viện Đà Nẵng là bệnh viện hạng I, lưu lượng người bệnh đến khám và điều trị rất đông, mặt bệnh đa dạng từ nhẹ đến nặng nên công tác kiểm soát nhiễm khuẩn, phòng ngừa chuẩn có vai trò rất quan trọng. Việc đánh giá kiến thức, thái độ về các biện pháp phòng ngừa chuẩn của nhân viên y tế sẽ là điều kiện tiên quyết để bắt đầu và thực hiện thành công chiến lược phòng ngừa và kiểm soát nhiễm khuẩn ở bất kỳ cơ sở y tế nào. Vì vậy, chúng tôi tiến hành nghiên cứu đề tài: **“Khảo sát kiến thức và thái độ về phòng ngừa chuẩn của nhân viên y tế trong phòng chống dịch COVID-19 tại Bệnh viện Đà Nẵng”**, với hai mục tiêu sau:

1. *Mô tả kiến thức, thái độ về phòng ngừa chuẩn của nhân viên y tế tại Bệnh viện Đà Nẵng năm 2021.*

2. *Khảo sát một số yếu tố liên quan đến kiến thức, thái độ về phòng ngừa chuẩn của nhân viên y tế tại Bệnh viện Đà Nẵng năm 2021.*

2. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Đối tượng nghiên cứu

Nhân viên y tế (bác sĩ, điều dưỡng, kỹ thuật viên, hộ sinh, nhân viên phục vụ) đang làm việc tại các khoa lâm sàng thuộc bệnh viện Đà Nẵng trong năm 2021.

2.1.1. Tiêu chuẩn chọn: nhân viên y tế (bác sĩ, điều dưỡng, kỹ thuật viên, hộ sinh, nhân viên phục vụ) đang làm việc tại Bệnh viện Đà Nẵng trong năm 2021. Các nhân viên y tế này đồng ý tham gia nghiên cứu.

2.1.2. Tiêu chuẩn loại trừ: nhân viên y tế không có mặt làm việc trong thời gian nghiên cứu như nghỉ ốm, nghỉ thai sản.

2.2. Thiết kế nghiên cứu

2.2.1. Thiết kế nghiên cứu

Nghiên cứu cắt ngang mô tả (Cross-sectional

descriptive study).

- Địa điểm và thời gian nghiên cứu:

+ Địa điểm nghiên cứu: nghiên cứu được thực hiện tại Bệnh viện Đà Nẵng.

+ Thời gian nghiên cứu: từ tháng 2 - 10/2021

2.2.2. Phương pháp chọn mẫu nghiên cứu

- Cỡ mẫu: 424 nhân viên y tế.

- Phương pháp chọn mẫu: chọn mẫu phân tầng kết hợp chọn mẫu ngẫu nhiên có hệ thống.

- Phương pháp thu thập dữ liệu: thu thập số liệu từ nội dung câu hỏi tự điền.

- Bộ công cụ và tiêu chí đánh giá: bộ công cụ được phát triển theo 9 nội dung PNC đã được Bộ Y tế ban hành theo Quyết định số 3671/QĐ-BYT ngày 27/9/2012 của Bộ Y tế về “Hướng dẫn phòng ngừa chuẩn trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh” [1] và quyết định số 5771/BYT-K2ĐT ngày 30/08/2012 của Bộ Y tế về tài liệu đào tạo phòng và kiểm soát nhiễm khuẩn [2], Quyết định số 3916/QĐ-BYT ngày 28/8/2017 về việc phê duyệt các Hướng dẫn kiểm soát nhiễm khuẩn trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh [3] và dựa trên bộ công cụ của tác giả Vũ Thị Thu Thủy và Trương Tuấn Anh (năm 2018) [4].

- Tiêu chí đánh giá kiến thức, thái độ nhân viên y tế:

+ Kiến thức của nhân viên y tế: đánh giá theo thang điểm nhị giá, 1 điểm cho câu trả lời đúng và 0 điểm cho câu trả lời sai hoặc không rõ. Số câu trả lời đúng sẽ bằng tổng số điểm đạt được. Kiến thức ở mỗi mục được đánh giá được tính là đạt khi nhân viên y tế có tổng điểm trên 70% tổng điểm tuyệt đối.

Kiến thức chung về PNC được đánh giá là đạt: khi tổng điểm của 9 mục đạt trên 70%.

+ Về thái độ: sử dụng thang đo Likert Scale, chia làm 5 mức độ, có 4 câu hỏi về thái độ, mỗi câu tối đa 2 điểm, gộp mức rất đồng ý và mức đồng ý là 2 điểm (thái độ tích cực), không có ý kiến là 1 điểm (thái độ trung tính), mức không đồng ý và rất không đồng ý là 0 điểm (thái độ không tích cực). Sau đó, tính tổng điểm và phân chia thái độ thành 2 nhóm dựa vào tổng điểm. Nhóm thái độ tích cực đạt khi nhân viên y tế có tổng điểm của 4 câu trên 70% tổng điểm tuyệt đối. Nhóm thái độ chưa tích cực đạt khi nhân viên y tế có tổng điểm của 4 câu dưới 70% tổng điểm tuyệt đối.

2.2.3. Phương pháp xử lý số liệu

Phân tích và xử lý số liệu bằng chương trình SPSS 16.0. Sử dụng thống kê tần số, tỷ lệ để mô tả kiến thức, thái độ về PNC của NVYT và sử dụng phép kiểm Chi bình phương để tìm hiểu mối liên hệ giữa đặc điểm đối tượng với kiến thức, thái độ của nhân viên y tế.

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

3.1. Đặc điểm của đối tượng nghiên cứu

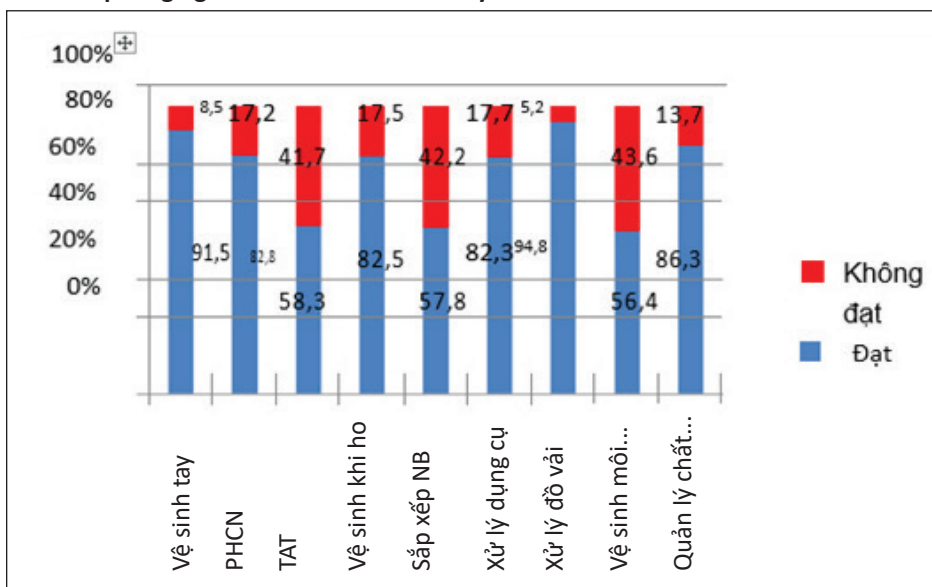
Bảng 1. Đặc điểm của đối tượng nghiên cứu

Đặc điểm	n	%
Giới tính		
Nam	98	23,1
Nữ	326	76,9
Nghề nghiệp		
Bác sĩ	110	25,9
Điều dưỡng	216	50,9
Kỹ thuật viên, hộ sinh	51	12,1
Nhân viên phục vụ	47	11,1
Trình độ chuyên môn		
Sau đại học, đại học	296	69,8
Cao Đẳng	64	15,1
Trung cấp	30	7,1
THPT	34	8,0
Thâm niên công tác		
< 1 năm	10	2,4
Từ 1 - 5 năm	221	52,1
> 5 năm	193	45,5
Đã từng đào tạo		
Có	424	100
Không	0	0
Đã nhận tài liệu về PNC		
Có	421	99,3
Không	3	0,7
Tổng	424	100

Trong nghiên cứu này cho thấy trong 424 người tham gia, phần lớn là nữ (chiếm 76,9%). Số điều dưỡng tham gia chiếm 50,9%, bác sĩ là 25,9%, còn lại là kỹ thuật viên, hộ sinh, nhân viên phục vụ (chiếm tỷ lệ lần lượt là 12,1% và 11,1%). Trình độ đại học hoặc sau đại học chiếm 69,8%, tiếp đến là trình độ cao đẳng chiếm 15,1%, chỉ có 7,1% và 8,0 % người tham gia có trình độ trung cấp hoặc THPT. Phần lớn người tham gia có thâm niên từ 1 - 5 năm chiếm 52,1%.

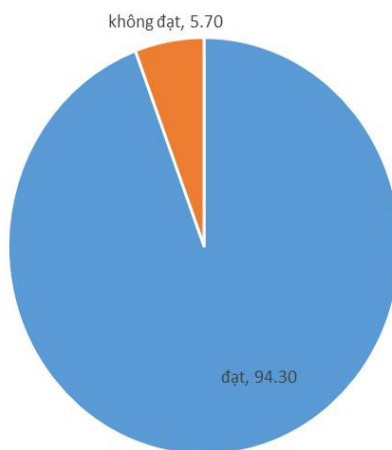
Khi được hỏi về việc đã từng được đào tạo về phòng ngừa chuẩn thì 100% nhân viên y tế đã tham gia. Có 99,3% đã nhận được tài liệu về PNC. Vẫn còn 0,7% chưa được nhận tài liệu PNC.

3.2. Kiến thức về phòng ngừa chuẩn của nhân viên y tế



Biểu đồ 1. Tỷ lệ NVYT đạt kiến thức của từng nội dung PNC

Nhận xét: Trong 9 nội dung của PNC, hơn 80% nhân viên y tế có kiến thức về vệ sinh tay, phòng hộ cá nhân, vệ sinh khí ho và hô hấp, xử lý dụng cụ y tế, xử lý đồ vải, quản lý chất thải y tế. Tuy nhiên, vẫn còn 3 nội dung có tỷ lệ hơn 50% NVYT có kiến thức đạt, cụ thể là: 58,3% NVYT có kiến thức đạt về thực hiện tiêu an toàn và phòng ngừa tổn thương do vật sắc nhọn, 57,8% NVYT đạt kiến thức về sắp xếp người bệnh thích hợp, có 56,4% NVYT đạt kiến thức về vệ sinh môi trường.



Biểu đồ 2. Tỷ lệ NVYT đạt và không đạt về kiến thức phòng ngừa chuẩn

Nhận xét: Trong 424 NVYT, có 94,3% NVYT đạt kiến thức về phòng ngừa chuẩn. Vẫn còn 5,7% NVYT chưa đạt kiến thức PNC.

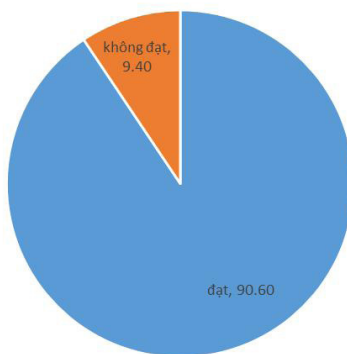
3.3. Thái độ của nhân viên y tế về phòng ngừa chuẩn

Bảng 2. Thái độ của nhân viên y tế đối với PNC

Nội dung	Tích cực		Trung tính		Không tích cực	
	n	%	n	%	n	%
Chương trình tập huấn hiện tại cung cấp đủ thông tin về PNC cho nhân viên y tế	253	59,7	171	40,3	0	0

Nền tổ chức các buổi tập huấn hướng dẫn về PNC cho nhân viên y tế	381	89,9	40	9,4	3	0,7
Giảng viên cung cấp đầy đủ kiến thức để tránh nhiễm trùng trong cơ sở y tế	362	85,4	62	14,6	0	0
Tôi cần được các đào tạo về kiến thức thực hành để tránh các nhiễm trùng thông qua sử dụng tình huống mô phỏng	352	83,0	70	16,5	2	0,5

Nhận xét: Phần lớn các NVYT đều có thái độ tích cực đối với việc nền tổ chức các buổi tập huấn hướng dẫn về PNC cho NVYT, hay giảng viên cung cấp đầy đủ kiến thức để tránh nhiễm trùng..., cần được đào tạo về kiến thức thực hành thông qua sử dụng tình huống mô phỏng (chiếm tỷ lệ trên 80%). Chỉ có 59,7% NVYT tích cực trong việc chương trình tập huấn hiện tại cung cấp đầy đủ thông tin về PNC.



Biểu đồ 3. Tỷ lệ về thái độ tích cực và không tích cực của NVYT về PNC

Nhận xét: Phần lớn NVYT có thái độ tích cực về phòng ngừa chuẩn (chiếm 90,6%), chỉ có 9,4% NVYT có thái độ chưa tích cực.

3.4. Mối liên quan giữa kiến thức đúng, thái độ đúng về PNC và một số đặc điểm của đối tượng nghiên cứu

Bảng 3. Mối liên quan giữa kiến thức đúng về PNC và một số đặc điểm của đối tượng nghiên cứu

	Biến số	n	KT đạt		OR (95%CI)	P
			n	%		
Giới tính	Nam	98	92	93,9	0,896 (0,34 - 2,34)	0,821
	Nữ	326	308	94,5		
Nghề nghiệp	Bác sĩ	110	108	98,2	4,068 (0,9 - 17,59)	0,043
	ĐD, KTV, HS, NVPV	314	292	93,0		
Trình độ chuyên môn	Sau đại học, đại học	296	287	97,0	4,23 (1,80 - 9,95)	P < 0,01
	Cao đẳng trở xuống	128	113	88,3		
Thâm niên công tác	≤ 5 năm	231	225	97,4	3,86 (1,49 - 9,92)	0,003
	> 5 năm	193	175	90,7		

Nhận xét: Kết quả bảng trên cho thấy đối tượng nghiên cứu có chuyên môn là bác sĩ có kiến thức đạt đối với PNC chiếm 98,2% cao hơn gấp 4,068 lần so với đối tượng có chuyên môn là điều dưỡng, kỹ thuật viên, hộ sinh, nhân viên phục vụ, có ý nghĩa với $p < 0,05$. Các đối tượng nghiên cứu có trình độ từ đại học trở lên có kiến thức đạt đối với PNC chiếm 97,0% cao hơn gấp 4,068 lần so với đối tượng có trình độ cao đẳng trở xuống có ý nghĩa với $p < 0,05$.

Các đối tượng nghiên cứu có thâm niên dưới 5 năm có kiến thức đạt đối với PNC chiếm 97,4% cao hơn gấp 3,86 lần so với đối tượng có thâm niên trên 5 năm có ý nghĩa với $p < 0,05$.

Bảng 4. Mối liên quan giữa thái độ về PNC và một số đặc điểm của đối tượng nghiên cứu

Biến số		n	TĐ tích cực		OR(95%CI)	P
			n	%		
Giới tính	Nam	98	93	94,9	2,237 (0,852 - 5,876)	0,094
	Nữ	326	291	75,8		
Nghề nghiệp	Bác sĩ	110	102	92,7	1,447 (0,65 - 3,24)	0,368
	ĐD, KTV, HS, NVPV	314	282	89,8		
Trình độ chuyên môn	Sau đại học, đại học	296	270	91,2	1,27 (0,64 - 2,53)	0,486
	Cao đẳng trở xuống	128	114	89,1		
Thâm niên công tác	≤ 5 năm	231	204	88,3	0,546 (0,27 - 1,089)	0,082
	> 5 năm	193	180	93,3		

Nhận xét: từ bảng kết quả trên cho thấy tỷ lệ nam có thái độ tích cực cao hơn nữ, bác sĩ có thái độ tích cực cao hơn các nghề khác, hay trình độ đại học trở lên cũng có thái độ tích cực cao hơn các trình độ cao đẳng trở xuống, nhóm người có thâm niên trên 5 năm có thái độ tích cực cao hơn nhóm có thâm niên dưới 5 năm. Tuy nhiên, không có mối liên quan giữa giới tính, nghề nghiệp, trình độ, thâm niên với thái độ tích cực về PNC ($p > 0,05$).

4. BÀN LUẬN

Từ 9 nội dung của phòng ngừa chuẩn (PNC), chúng tôi có 94,3% nhân viên y tế (NVYT) đạt kiến thức chung về phòng ngừa chuẩn. Vẫn còn 5,7% NVYT chưa đạt kiến thức PNC. Tỷ lệ này khá tương đồng với nghiên cứu tác giả Trương Anh Thư và cộng sự tại Bệnh viện Bạch Mai năm 2012, tổng cộng có 629 NVYT đã được phỏng vấn tại 36 bệnh viện (2 bệnh viện trung ương, 18 bệnh viện tỉnh, 16 bệnh viện huyện). Kết quả nghiên cứu kiến thức về biện pháp phòng ngừa chuẩn (83,9% đến 99,2%) [5]. Theo chúng tôi, kết quả này khá phù hợp bởi 100% NVYT của chúng tôi đã được đào tạo, các hoạt động đào tạo và phát triển giúp các NVYT thích ứng với những thay đổi trong tình hình phòng chống dịch như hiện nay.

Nhân viên y tế sẽ không thể tuân thủ tốt thực hành phòng ngừa chuẩn nếu không có kiến thức đúng về PNC. Việc hiểu đúng các kiến thức về phòng ngừa chuẩn sẽ giúp làm thay đổi hành vi, thái độ của nhân viên trong việc phòng ngừa nhiễm khuẩn bệnh viện.

Trong nghiên cứu của chúng tôi, cho thấy trên 80% NVYT đều có thái độ tích cực đối với việc nên tổ chức các buổi tập huấn hướng dẫn về PNC cho NVYT, hay giảng viên cung cấp đầy đủ kiến thức để tránh nhiễm trùng..., cần được đào tạo về kiến thức thực hành thông qua sử dụng tình huống mô phỏng. Kết quả này khá phù hợp với nghiên cứu của Hồ Thị Nhi

Na (2015) [6]. Sở dĩ nghiên cứu của chúng tôi có kết quả cao như vậy là do trong bối cảnh đại dịch COVID đang diễn ra ngày càng phức tạp nên các NVYT đều mong muốn được cập nhật kiến thức thông qua các buổi tập huấn. Chỉ có 59,7% NVYT có thái độ tích cực trong việc chương trình tập huấn hiện tại cung cấp đầu đủ thông tin về PNC. Điều này cho thấy công tác đào tạo cần tăng cường nhiều hơn nữa và đảm bảo chất lượng theo những cập nhật mới nhất trong hướng dẫn PNC của của Bộ Y tế.

Phần lớn NVYT có thái độ tích cực về phòng ngừa chuẩn (chiếm 90,6%), chỉ có 9,4% NVYT có thái độ chưa tích cực. Việc tìm hiểu về thái độ của NVYT sẽ cung cấp dữ liệu cần thiết cho đào tạo để đạt được hiệu quả phòng ngừa NKBV tốt hơn. Các khóa đào tạo PNC luôn được coi là biện pháp ít tốn kém trong cải thiện tuân thủ quy trình kiểm soát nhiễm khuẩn và tránh lặp lại thói quen không đúng đang tồn tại.

Nghiên cứu của chúng tôi chỉ ra có mối liên quan giữa nghề nghiệp với kiến thức đúng về PNC. Nhóm bác sĩ có kiến thức đạt đối với PNC chiếm 98,2% cao hơn gấp 4,068 lần so với đối tượng có chuyên môn là điều dưỡng, kĩ thuật viên, hộ sinh, nhân viên phục vụ. Sự khác biệt có ý nghĩa thống kê với $p < 0,05$. Kết quả này khác với nghiên cứu của Bùi Thị Xuyên và cộng sự (2019) cho thấy nhóm điều dưỡng có kiến thức về PNC đạt cao hơn nhóm bác sĩ (tỷ lệ đạt lần lượt là 46,5% và 42,7%), tuy nhiên sự khác biệt này không có ý nghĩa thống kê ($p > 0,05$). Nguyên nhân có thể giải thích là trong những năm gần đây có sự bùng phát các dịch bệnh như COVID-19, EBOLA... và tỷ lệ lây nhiễm cho nhân viên y tế và cả gia đình người bệnh và cộng đồng khá cao nên các bác sĩ thường xuyên được cập nhật kiến thức. Đó là tín hiệu tốt cho thấy nhóm bác sĩ có kiến thức sẽ giúp họ tuân thủ thực hiện PNC tăng lên, đồng thời cũng cần chú ý nâng cao kiến thức của các nhóm nghề khác.

Có mối liên quan giữa trình độ chuyên môn với kiến

thức đúng về PNC. Nhóm có trình độ từ đại học trở lên có kiến thức đạt đối với PNC chiếm 97% cao hơn gấp 4,068 lần so với đối tượng có trình độ cao đẳng trở xuống. Sự khác biệt có ý nghĩa thống kê với $p < 0,01$

Trình độ chuyên môn cũng liên quan đến quá trình nhận thức trong công việc, khả năng cập nhật các quy định, kiến thức mới về PNC sẽ cao hơn ở nhóm có trình độ đại học và sau đại học, có thể nói đây cũng là một nguyên nhân góp phần làm cho tỷ lệ kiến thức đạt về PNC ở các cấp trình độ có sự khác biệt nhiều.

Có mối liên quan giữa thâm niên công tác với kiến thức đúng về PNC. Nhóm nghiên cứu có thâm niên dưới 5 năm có kiến thức đạt đối với PNC chiếm 97,4% cao hơn gấp 3,86 lần so với đối tượng có thâm niên trên 5 năm. Sự khác biệt có ý nghĩa thống kê với $p < 0,05$. Có thể do những người có thời gian làm việc lâu năm, có yếu tố chủ quan trong suy nghĩ theo lối mòn của quy trình cũ trước đây, nên có kiến thức đạt về PNC thấp hơn. Nghiên cứu của chúng tôi cũng gần giống với nghiên cứu của Bùi Thị Xuyên và cộng sự (2019) [7], nhóm có thâm niên dưới 5 năm lại có tỷ lệ đạt cao hơn nhóm trên 5 năm. Tuy nhiên sự khác biệt trong nghiên cứu đó lại không có ý nghĩa thống kê ($p > 0,05$).

Nghiên cứu của chúng tôi chỉ ra rằng không có mối liên quan giữa giới tính với thái độ tích cực về PNC. Nhóm nam có tỷ lệ thái độ tích cực về PNC cao hơn nhóm nữ. Sự khác biệt này không có ý nghĩa thống kê với $p > 0,05$. Kết quả này cũng giống kết quả nghiên cứu của Bùi Thị Xuyên và cộng sự (2019) [7]. Nhóm bác

sĩ có thái độ tích cực cao hơn các nghề khác, hay trình độ đại học trở lên cũng có thái độ tích cực cao hơn các trình độ cao đẳng trở xuống, nhóm người có thâm niên trên 5 năm có thái độ tích cực cao hơn nhóm có thâm niên dưới 5 năm. Tuy nhiên, không có mối liên quan giữa giới tính, nghề nghiệp, trình độ, thâm niên với thái độ tích cực về PNC ($p > 0,05$).

5. KẾT LUẬN

Kiến thức, thái độ về phòng ngừa chuẩn của nhân viên y tế tại bệnh viện Đà Nẵng năm 2021: trong 424 NVYT, có 94,3% NVYT đạt kiến thức về phòng ngừa chuẩn. Phần lớn NVYT có thái độ tích cực về phòng ngừa chuẩn (chiếm 90,6%), chỉ có 9,4% NVYT có thái độ chưa tích cực.

Các yếu tố ảnh hưởng đến kiến thức, thái độ về phòng ngừa chuẩn: bác sĩ có kiến thức đạt đối với PNC cao hơn so với đối tượng có chuyên môn là điều dưỡng, kỹ thuật viên, hộ sinh, nhân viên phục vụ, có ý nghĩa với $p < 0,05$. Các đối tượng nghiên cứu có trình độ từ đại học trở lên có kiến thức đạt đối với PNC cao hơn so với đối tượng có trình độ cao đẳng trở xuống có ý nghĩa với $p < 0,05$. Các đối tượng nghiên cứu có thâm niên dưới 5 năm có kiến thức đạt đối với PNC cao hơn so với đối tượng có thâm niên trên 5 năm có ý nghĩa với $p < 0,05$.

Nghiên cứu của chúng tôi chỉ ra rằng không có mối liên quan giữa các đặc điểm của đối tượng với thái độ tích cực về PNC.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Y tế (2012). Quyết định số: 3671/QĐ-BYT ngày 27 tháng 09 năm 2012 hướng dẫn thực hành kiểm soát nhiễm khuẩn, Link: <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/The-thao-Y-te/Quyết-dinh-3671-QĐ-BYT-2012-Huong-dan-kiem-soat-nhiem-khuan-205394.aspx>.
2. Bộ y tế (2012). Quyết định số 5771/BYT-K2Đt về Ban hành CT và Tài liệu Kiểm soát nhiễm khuẩn cho CBYT cơ sở.
3. Bộ Y tế (2017). Hướng dẫn giám sát nhiễm khuẩn bệnh viện trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh (Ban hành theo Quyết định số: 3916/QĐ-BYT ngày 28/8/2017 của Bộ trưởng Bộ Y tế), Link: <http://kcb.vn/wp-content/uploads/2017/11/1.-Huong-dan-Gi%C3%A1m-sat-nhi-m-khu-n.pdf>.
4. Vũ Thị Thu Thủy, Trương Tuấn Anh (2018). Thực trạng và một số yếu tố liên quan đến kiến thức, thái độ về phòng ngừa chuẩn của sinh viên điều dưỡng trường

- đại học y khoa vinh năm 2018. Khoa học điều dưỡng. Tập 01- số 02, trang 84-89.
5. Thu, T. A., Anh, N. Q., Chau, N. Q., & Hung, N. V. (2012). Knowledge, attitude and practices regarding standard and isolation precautions among Vietnamese health care workers: a multicenter cross-sectional survey. Intern Med. 2(4), 115.
6. Hồ Thị Nhi Na (2017). Kiến thức và thái độ đối với một số quy định phòng ngừa chuẩn của nhân viên y tế tại một số khoa của Bệnh viện đa khoa Trung ương Quảng Nam năm 2015. Tạp chí Y học dự phòng. Tập 27, số 1-2017, trang 175
7. Bùi Thị Xuyên (2019). Một số yếu tố liên quan tới kiến thức, thái độ và thực hành của nhân viên y tế trong thực hiện phòng ngừa chuẩn. Y học cộng đồng. Số 4(51), trang 63- 69.